

**CÔNG TY TNHH TMDV LỘC MINH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TMDV LỘC MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703199521

**3. Ngày thành lập:** 01/04/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

1290 A, Lê Hồng Phong, khu phố 8, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0835090299

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                              | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                         | 4329        |
| 2.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                         | 4330        |
| 3.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                    | 4511        |
| 4.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                         | 4520        |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Kinh doanh, nhập khẩu tinh dầu, nước hoa; Bán nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh.                                                                                                              | 4649        |
| 6.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                    | 4651        |
| 7.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>Chi tiết: Mua, bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông, (Máy photo copy, máy tính, laptop, điện thoại, máy chụp hình, máy giặt và thiết bị điện gia dụng khác) mới và hàng đã qua sử dụng. | 4652        |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Buôn bán linh kiện, phụ kiện, vỏ xe, thiết bị vật tư cho ô tô, xe máy các loại.                                                                                                           | 4659        |
| 9.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn đá hoa cương các loại, cầu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông trộn sẵn. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.                                              | 4663        |
| 10. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Mua bán, Nhập khẩu, xuất khẩu máy móc, thiết bị, hàng điện tử; hàng gia dụng; xe đạp điện; đồ chơi trẻ em; mua bán các loại phế liệu khác.                                              | 4669(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>Chi tiết: Tổ chức và thực hiện các chương trình biểu diễn văn hóa nghệ thuật, sân khấu hóa. các dịch vụ hỗ trợ cho công nghiệp quảng cáo, tổ chức sự kiện                                    | 9000 |
| 12. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Cho thuê văn phòng, nhà, nhà xưởng, nhà kho, bãi xe                                                                                     | 6810 |
| 13. | Quảng cáo<br>Chi tiết: Quảng cáo thương mại, tổ chức sự kiện, trưng bày giới thiệu hàng hóa, trang trí, kẻ biển hiệu quảng cáo.                                                                                                            | 7310 |
| 14. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                     | 7710 |
| 15. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                      | 1811 |
| 16. | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít                                                                                                                                                             | 2022 |
| 17. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại<br>Chi tiết: Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại như: Khoan, tiện, nghiền, mài, bào, đục, cưa, đánh bóng, hàn, nối...các phần của khung kim loại, Phủ á kim như: Tráng men, sơn mài. | 2592 |
| 18. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Gia công các loại cửa bằng kim loại hực vụ xây dựng công nghiệp và dân dụng.                                                                                      | 2599 |
| 19. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                           | 4781 |
| 20. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                           | 4932 |
| 21. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                             | 4933 |
| 22. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                | 5210 |
| 23. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt<br>Chi tiết: Giặt, ủi công nghiệp và dân sự, vệ sinh nhà, xưởng                                                                                                                          | 8129 |
| 24. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                      | 8130 |
| 25. | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                             | 3811 |
| 26. | Thu gom rác thải độc hại                                                                                                                                                                                                                   | 3812 |
| 27. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                   | 3821 |
| 28. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại                                                                                                                                                                                                         | 3822 |
| 29. | Xây dựng nhà để ở<br>Chi tiết: Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                       | 4101 |
| 30. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                               | 4212 |
| 31. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng nhà, kho, xưởng, thi công lắp ráp nhà tiền chế.                                                                                                                           | 4299 |
| 32. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                     | 4311 |
| 33. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                      | 4321 |

